TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày: 30 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Danh Sà KhoL

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn S, sinh năm: 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 4, Khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Nhơn và bà Lê Thị Thu; bị cáo có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa. Bị cáo tự bào chữa.

Người bị hại:

1. Ông Lý Văn L, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 0399 414 557;

2. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Số 8, xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 0984 223 151;

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang;

4. Ông Danh C, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 0344 695 092.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn X, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 7, ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 037 222 5231;

2. Bà Phạm Thị H(vợ Ông L), sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 0368 522 348;

3. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 14, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 0919 929 787;

4. Ông Đinh Đức T, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh Lê Xuân S, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ 6, Khu phố S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 0563 844 954;

6. Công ty Cổ phần G; địa chỉ: Lô M, đường số 1, KCN T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

1. Ông La Điền Phong, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 0968 764 954;

2. Ông Nguyễn Văn Số (Cường), sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 1B, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. ĐT: 035 222 4818;

3. Ông Đỗ Trọng Nghĩa, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

(Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn S thường đi mua các vườn cây của người dân để khai thác lấy gỗ bán cho công ty. Biết vườn cây gỗ của người dân thường ở xa khu dân cư, chủ vườn thường không trực tiếp quản lý nên từ ngày 08/02/2022 đến ngày 03/3/2022, S đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 02 vụ trộm cắp tài.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Văn S thể hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 08/02/2022, S phát hiện vườn cây gỗ tràm bông vàng, bạch đàn của Ông Trần Quốc T có diện tích 1.600m^2 (cây tràm bông vàng,

bạch đàn trồng được khoảng 04 năm), tại ấp Tà Lóc, xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh Kiên Giang, quan sát khu vực này không có nhà dân ở, S nảy sinh ý định tìm người bán vườn cây của Ông T để lấy tiền tiêu xài. Biết Ông Lý Văn L thường mua cây gỗ về đốt làm than, S chạy xe mô tô đến nhà Ông L để kêu bán cây, khi đến Ông L không mua. Đến ngày 10/02/2022, S điện thoại hẹn Ông L sáng ngày 11/02/2022 gặp nhau ở bến đò Tổng Đội thuộc xã Sơn Kiên để đi xem vườn cây gỗ. Khoảng 08 giờ ngày 11/02/2022, Ông L đến gặp S, S dẫn Ông L đến vườn cây của Ông T. S nói với Ông L: "Đây là cây của con, con bán toàn bộ số cây cho chú giá bốn triệu đồng". Sau khi xem vườn cây, Ông L nói: "Công vận chuyển nặng lắm, mua giá đó không có lời, tôi mua toàn bộ số cây này với giá hai triệu rưỡi, nếu được thì tôi mua", S đồng ý bán cho Ông L với giá 2.500.000 đồng. S đã nhận tiền và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: S phát hiện vườn cây gỗ tràm bông vàng và bạch đàn của Ông Hà Văn X có diện tích 1.500m^2 (cây tràm bông vàng, bạch đàn trồng được khoảng 04 năm), tại ấp Tà Lóc, xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Vào ngày 15/02/2022, S điện thoại cho Ông Lý Văn L nói: "Con còn đám cây cách đó khoảng 60 mét về hướng bến đò Tổng Đôi chú có mua không?", Ông L trả lời: "để tạo đi coi đã", sau đó Ông L đi coi vườn cây gỗ tràm bông vàng và bạch đàn của Ông X. Sau khi coi xong, Ông L điện thoại cho S hỏi: "Đám cây đó mày tính bán bao nhiêu?", S trả lời: "bán tất cả số cây đó ba triệu đồng", Ông L nói: "Tao mua hết số cây đó với giá hai triệu đồng, nếu bán thì tao mua", S đồng ý bán vườn cây của Ông X cho Ông L với giá 2.000.000 đồng, Ông L kêu S đến nhà Ông L gặp Bà Phạm Thị H(vợ Ông L) để lấy tiền, sau đó Ông L điện thoại cho bà Hoa đưa cho S 2.000.000 đồng, S đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Vào ngày 20/02/2022, S phát hiện vườn cây gỗ tràm bông vàng và bạch đàn của Ông Nguyễn Văn H có diện tích 2.000m^2 (cây tràm bông vàng, bạch đàn trồng được khoảng 05 năm), tại khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, S điện thoại cho Ông Lý Văn L nói với Ông L: "Cháu có vườn tràm và bạch đàn ở Kinh 200 sau bệnh viện huyện, chú có mua không?", Ông L trả lời: "để chút nữa đi coi, nếu được thì tao mua", S hẹn gặp Ông L ở Cống số 9, khu phố C, thị trấn H, huyện H. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Ông L kêu La Điền Phong điều khiển xe mô tô chở Ông L đến Cống số 9 gặp S, S dẫn Ông L đến coi vườn cây của Ông H, S nói với Ông L: "Con bán mão toàn bộ số cây cho chú giá bảy triệu đồng", Ông L nói: "giá đó tao mua không có lời, tao mua toàn bộ số cây này với giá năm triệu đồng", S đồng ý. Ông L đưa cho S 5.000.000 đồng, S đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 27/02/2022, khi Ông Lý Văn L đang khai thác vườn cây gỗ tràm bông vàng và bạch đàn của Ông Trần Quốc T, thì Ông T phát hiện vào ngăn cản, lúc này Ông L mới biết bị S lừa bán vườn cây của Ông T cho mình nên đến cơ quan Công an tố giác hành vi lừa đảo của S. Đối với vườn cây của Ông Hà Văn X và của Ông Nguyễn Văn H sau khi biết S lừa đảo bán cho mình nên Ông L không khai thác.

Hành vi trộm cắp tài sản của Lê Văn S thể hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 28/02/2022, S đi cưa cây ở ấp Vạn Thanh, xã Thổ Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang, khi đi ngang vườn tràm bông vàng, bạch đàn của Ông H (vườn cây này S đã lừa bán cho Ông L trước đó), S thấy vườn cây chưa khai thác, S nảy sinh ý định cưa trộm cây của Ông H để mang đi bán cho công ty gỗ tại Khu công nghiệp T, huyện, tỉnh Kiên Giang. S dùng cưa máy cưa toàn bộ số cây tràm bông vàng, bạch đàn trong vườn của Ông H, sau đó cắt ra thành từng khúc dài từ 50cm đến 1,2m và vận chuyển ra xếp thành đống ở khu đất trống gần đường đan Kinh 200. Ngày 01/03/2022, S đến nhà Ông Đinh Đức T thuê chở số cây tràm bông vàng, bạch đàn đã cưa trộm mang đến Công ty cổ phần G thuộc Khu công nghiệp T, huyện C, tỉnh Kiên Giang bán, với giá thuê chở cây là 120.000 đồng/tấn. Ông Thiện điều khiển xe ô tô tải biển số 68C-102.49 đến bãi đất của Ông H, sau đó S chuyển toàn bộ số cây gỗ lên thùng xe, khoảng 19 giờ cùng ngày thì S chuyển xong, do lúc này đã hết giờ làm việc nên S kêu ông Thiện chạy xe tải chở gỗ về nhà ông Thiện để sáng hôm sau chở đi bán.

Sáng ngày 03/03/2022, ông T điều khiển xe chở số cây gỗ trên đến công ty gỗ cân được khối lượng 6.530kg, giá 600 đồng/kg, bán được số tiền 3.918.000 đồng, ông Thiện trả tiền vận chuyển gỗ từ trên xe xuống hết 120.000 đồng, sau đó ông Thiện mang tiền và hoá đơn bán gỗ về đưa cho S. S trả tiền thuê xe cho ông Thiện 900.000 đồng, còn lại 2.900.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 02/03/2022, S đi cưa cây ở thị trấn Sóc Sơn về nhà, S điều khiển xe lưu thông trên Quốc lộ 80 theo hướng Rạch Giá – Hà Tiên, khi đi đến đoạn thuộc ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, S phát hiện đống cây tràm bông vàng, bạch đàn của Ông Danh C để ở bãi đất trống bên lề đường, S dừng xe lại quan sát thấy không có ai quản lý trông coi. S hỏi thăm người dân gần đó nhưng không ai biết đống cây trên của ai nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt số cây trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. S chạy xe mô tô đến gặp Bà Nguyễn Thị O thuê xe tải của bà O để chở số gỗ của Ông Danh C đến công ty gỗ tại Khu công nghiệp T bán. Khi gặp bà O, S nói: "Chị ơi, xe tải của chị có chở củi thuê không", bà O trả lời: "Có". S nói: "Sáu giờ chiều nay chị cho xe chạy

xuống cầu Vàm Răng chở cho em đống củi", bà O nói: "Chở củi đi đâu?", S nói: "Chở đến Công ty gỗ ở khu công nghiệp T", bà O nói: "Chở đến đó giá 2.500.000 đồng", S đồng ý. Sau đó, S chạy xe đến nhà cháu ruột của S tên Lê Xuân Sang, S nói: "Mày đi khiêng cây tiếp chú rồi chú cho tiền uống cà phê", Sang đồng ý (trước đó đã nhiều lần S thuê Sang đi vác cây gỗ).

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, S điều khiển xe mô tô chở Sang đến đống cây gỗ của Ông Danh C, khoảng 18 giờ cùng ngày Nguyễn Văn Số là lái xe của cửa hàng vật liệu xây dựng Nguyễn Oanh điều khiển xe ô tô tại biển số 68C-079.77 đến. S và Sang chuyển cây lên thùng xe tải, còn ông Số đi lại quán cà phê gần đó uống cà phê đợi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S và Sang chuyển hết cây lên xe, S kêu Số chạy xe chở cây về kho của bà O đậu, sáng hôm sau chở đến công ty gỗ bán sớm và mang giấy mua bán về đưa cho S. Khoảng 08 giờ ngày 03/3/2022, ông Số điều khiển xe tải biển số 68C-079.77 chở gỗ đến Công ty G tại Khu công nghiệp T cân được 9.300kg, bán với giá 600 đồng/kg, được số tiền 5.580.000 đồng. Ông Số trả 180.000 đồng tiền chuyển cây gỗ từ thùng xe ô tô xuống và lấy 2.500.000 đồng tiền thuê xe, đưa cho S giấy mua bán cùng số tiền 2.900.000 đồng, S mang tiền về và trả Sang 400.000 đồng, số tiền còn lại S tiêu xài cá nhân hết.

Ông Nguyễn Văn H, Ông Danh C sau khi phát hiện bị mất tài sản đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H trình báo nội dung vụ việc.

Quá trình điều tra, Lê Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận về giá tràm bông vàng + bạch đàn của Ông Danh C: 9.300kg x 600 đồng/kg = 5.580.000 đồng (Năm triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận về giá tràm bông vàng + bạch đàn của Ông Nguyễn Văn H: 6.530kg x 600 đồng/kg = 3.918.000 đồng (Ba triệu, chín trăm mười tám ngàn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Về việc thu giữ và xử lý tang vật vụ án: Xe mô tô của S sử dụng để làm phương tiện phạm tội sau đó bị hư hỏng không sửa chữa được, S đã bán phế liệu cho người mua phế liệu ngang đường, S không nhớ biển số xe nên không thu giữ

được; chiếc cưa máy mà S dùng cưa trộm cây gỗ của Ông H sau đó đã bị người khác lấy trộm nên không thu giữ được.

Đối với khối lượng gỗ tràm bông vàng và bạch đàn S trộm cắp của Ông Danh C (9.300 kg) và của Ông Nguyễn Văn H (6.530 kg), Công ty Cổ phần G xác nhận đã đưa vào dây chuyền sản xuất thành ván MDF và đã tiêu thụ nên không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS-HĐ ngày 30/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Lê Văn S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh và hình phạt:*

Áp dụng khoản 1, Điều 174, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 06 (chín) đến 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Do bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S theo quy định tại khoản 5, Điều 174 và khoản 5, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Đối với Đinh Đức Thiện được S thuê chở cây gỗ mà Lê Văn S đã trộm cắp của Ông Nguyễn Văn H mang đi bán cho Công ty gỗ MDF VRG Kiên Giang, ông Thiện không biết cây gỗ trên do S trộm cắp của Ông H nên không đồng phạm với S về tội trộm cắp tài sản.

- Đối với Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị O được S thuê chở cây gỗ của Ông Danh C mang đi bán cho công ty G, ông S, bà O không biết cây gỗ do S trộm cắp của Ông Danh C nên không đồng phạm tội trộm cắp tài sản.

- Đối với Lê Xuân S được S thuê vác cây gỗ của Ông Danh C lên thùng xe cùng với Lê Văn S để chở đi bán, Sang không biết cây gỗ do S trộm cắp của ông Cơ nên không đồng phạm với S về hành vi trộm cắp tài sản.

- Đối với ông Nguyễn Bá Chiến, là nhân viên Công ty Cổ phần G là người

tiếp nhận và cân gỗ do bị cáo S thuê người chở vào bán cho công ty, ông Chiến không biết số lượng gỗ trên do S trộm cắp của Ông Danh C và Ông Nguyễn Văn H nên không đồng phạm với S về hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- *Về xử lý vật chứng:* Xe mô tô của S sử dụng để làm phương tiện phạm tội sau đó bị hư hỏng không sửa chữa được, S đã bán phế liệu cho người mua phế liệu ngang đường, S không nhớ biển số xe nên không thu giữ được; chiếc cưa máy mà S dùng cưa trộm cây gỗ của Ông H sau đó đã bị người khác lấy trộm nên không thu giữ được.

Đối với khối lượng gỗ tràm bông vàng và bạch đàn S trộm cắp của Ông Danh C (9.300 kg) và của Ông Nguyễn Văn H (6.530 kg), Công ty Cổ phần G xác nhận đã đưa vào dây chuyền sản xuất thành ván MDF và đã tiêu thụ nên không thu giữ được.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

Ông Lý Văn L yêu cầu S bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của Ông L 9.500.000 đồng, S đã khắc phục bồi thường xong.

Ông Danh C yêu cầu S bồi thường số tiền 5.400.000 đồng do S trộm cắp tài sản, S đã khắc phục bồi thường xong.

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng do S trộm cắp tài sản, S đã khắc phục bồi thường xong.

Ông Lê Văn L đốn cây tràm bông vàng, bạch đàn của các Ông Trần Quốc T, Nguyễn Văn Hiếu, các bên đã tự thoả thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khối lượng gỗ tràm bông vàng và bạch đàn S trộm cắp của Ông Danh C (9.300 kg) và của Ông Nguyễn Văn H (6.530 kg), Công ty Cổ phần G xác nhận đã đưa vào dây chuyền sản xuất thành ván MDF và đã tiêu thụ, Ông Danh C và Ông Nguyễn Văn H đã yêu cầu S bồi thường giá trị, S đã khắc phục xong nên ông Cơ và Ông H không có yêu cầu gì đối với công ty.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan vật chứng của vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11/02/2022, Lê Văn S đã có hành vi lừa đảo nhận vườn cây gỗ tràm bông vàng và bạch đàn của Ông Trần Quốc T là của mình để bán cho Ông Lý Văn L chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Với hành vi tương tự, ngày 15/02/2022, S lừa đảo bán vườn cây gỗ tràm bông vàng và bạch đàn của Ông Hà Văn X cho Ông L chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và ngày 28/02/2022, S tiếp tục lừa đảo bán vườn cây gỗ tràm bông vàng và bạch đàn của Ông Nguyễn Văn H cho Ông L chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Như vậy, bị cáo Lê Văn S đã có hành vi gian dối lừa Ông Lý Văn L để chiếm đoạt tài sản 03 lần của ông với tổng số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm ngàn đồng) đã đủ yếu tố cấu thành vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân truy tố và Tòa án xét xử bị cáo S về tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Vào ngày 25/02/2022, Lê Văn S đã có hành vi lén lút dùng cưa máy cưa trộm cây gỗ của Ông Nguyễn Văn H đem bán được số tiền 3.918.000 đồng (Ba triệu chín trăm mười tám ngàn đồng). Ngày 02/3/2022, Lê Văn S tiếp tục có

hành vi lén lút trộm cắp số cây gỗ của Ông Danh C đem bán được số tiền 5.580.000 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng). Theo kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì giá trị tài sản bị trộm cắp của Ông Nguyễn Văn H là 3.918.000 đồng (Ba triệu chín trăm mười tám ngàn đồng) (theo bản Kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện H) và giá trị tài sản bị trộm cắp của Ông Danh C là 5.580.000 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng) (theo bản Kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện H). Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút trộm cắp tài sản của người khác, đem bán lấy tiền tiêu xài đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử xét xử bị cáo S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người trưởng thành, có đủ nhận thức để biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ và Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp quyền sở hữu tài sản của người khác, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, sử dụng tài sản không phải bỏ công sức lao động, bị cáo S đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ông Lý Văn L 03 lần và trộm cắp tài sản của người khác 02 lần. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, biết quý trọng sức lao động của bản thân và của người khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ông Lý Văn L 03 lần và trộm cắp tài sản 02 lần (của Ông Danh C và của Ông Nguyễn Văn H) nên đối với cả hai tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản" bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo S thành khẩn khai báo, mặc dù gia đình bị cáo rất khó khăn nhưng bị cáo đã tích cực hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ông Lý Văn L và số tiền thiệt hại do trộm cắp tài sản của Ông Danh C và của Ông Nguyễn Văn H và các bị hại không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản" mà bị cáo bị xét xử. Ngoài ra, trong quá trình điều tra và truy tố, các bị hại Ông Lý Văn L và Ông Danh C có làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, vợ không nghề nghiệp, 03 con còn quá nhỏ, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, do đó xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự với cả hai tội danh nêu trên.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5, Điều 174 và khoản 5, Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Xét lời luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lý Văn L yêu cầu S bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của Ông L 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm ngàn đồng), S đã khắc phục bồi thường xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Danh C yêu cầu S bồi thường số tiền 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) do S trộm cắp tài sản, S đã khắc phục bồi thường xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) do S trộm cắp tài sản, S đã khắc phục bồi thường xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Lê Văn L đốn cây tràm bông vàng, bạch đàn của các Ông Trần Quốc T, Nguyễn Văn Hiếu, các bên đã tự thoả thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khối lượng gỗ tràm bông vàng và bạch đàn S trộm cắp của Ông Danh C (9.300 kg) và của Ông Nguyễn Văn H (6.530 kg), Công ty Cổ phần G xác nhận đã đưa vào dây chuyền sản xuất thành ván MDF và đã tiêu thụ, Ông Danh C và

Ông Nguyễn Văn H đã yêu cầu S bồi thường giá trị, S đã khắc phục xong nên ông Cơ và Ông H không có yêu cầu gì đối với công ty, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô của S sử dụng để làm phương tiện phạm tội sau đó bị hư hỏng không sửa chữa được, S đã bán phế liệu cho người mua phế liệu ngang đường, S không nhớ biển số xe nên không thu giữ được; chiếc cưa máy mà S dùng cưa trộm cây gỗ của Ông H sau đó đã bị người khác lấy trộm nên không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khối lượng gỗ tràm bông vàng và bạch đàn S trộm cắp của Ông Danh C (9.300 kg) và của Ông Nguyễn Văn H (6.530 kg), Công ty Cổ phần G xác nhận đã đưa vào dây chuyền sản xuất thành ván MDF và đã tiêu thụ nên không thu giữ được, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299 và khoản 6, Điều 326, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn S phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng: khoản 1, Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

4. Áp dụng: khoản 1, Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

5. Áp dụng khoản 1, Điều 55 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Văn S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội danh nêu trên là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

6. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Ông Lý Văn L, Ông Danh C và Ông Nguyễn Văn H đã được S khắc phục bồi thường thiệt hại xong và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Lê Văn L đốn cây tràm bông vàng, bạch đàn của các Ông Trần Quốc T, Nguyễn Văn H, các bên đã tự thoả thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khối lượng gỗ tràm bông vàng và bạch đàn S trộm cắp, Công ty Cổ phần G đã tiêu thụ, Ông Danh C và Ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu gì đối với công ty, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

7. Về xử lý vật chứng: Xe mô tô, chiếc cưa máy mà bị cáo S sử dụng để làm phương tiện phạm tội và khối lượng gỗ tràm bông vàng, bạch đàn S trộm cắp của Ông Danh C (9.300 kg) và của Ông Nguyễn Văn H (6.530 kg) không thu giữ được, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

8. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan CSĐT CA huyện H;
- Nhà tạm giữ CA huyện H;
- Phòng Hộ tịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai